

\*

Cao Bằng, ngày 13 tháng 6 năm 2025

**ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN**  
**LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 24**

Hệ đào tạo: Tập trung

Thời gian học từ ngày 25/5/2024 đến ngày 16/6/2025

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
1	Âu Việt Anh	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
2	Trương Thị Cúc	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
3	Lương Thị Diệp	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
4	Nông Thế Doãn	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
5	Hoàng Văn Đức	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
6	Đường Thị Dung	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
7	Bé Tuấn Duy	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
8	Nguyễn Thu Hà	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
9	Phan Thị Hà	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
10	Lý Ích Hào	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
11	Lưu Thị Hậu	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
12	Mã Thị Hiền	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
13	Chu Văn Hiệu	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
14	Nguyễn Thị Kim Hoa	4.00	3.00	1.50	8.50	Tốt
15	Hoàng Thị Hòa	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
16	Triệu Thanh Hòa	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
17	Nông Đình Hòa	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
18	Tô Thị Hòa	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
19	Nguyễn Thanh Hoàn	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
20	Nông Thị Hợi	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
21	Hoàng Thu Hồng	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
22	Lý Văn Huân	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
23	Đỗ Mạnh Hùng	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
24	Ngô Bằng Hưng	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
25	Đặng Việt Hưng	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
26	Đoàn Thị Hương	4.00	3.00	1.50	8.50	Tốt
27	Đàm Quang Hữu	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
28	Mã Thị Huyền	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
29	Bùi Thị Huyền	4.00	3.00	1.50	8.50	Tốt
30	Phan Thị Mai Lan	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
31	Chu Thị Lan	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
32	Lý Quang Lê	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
33	Lục Thị Luyến	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
34	Hứa Thị Mai	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
35	Hoàng Thị Nga	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
36	Tiêu Thị Hồng Ngân	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
37	Phạm Trung Nghĩa	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
38	Đàm Thị Kiều Nha	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
39	Hoàng Thị Oanh	4.00	3.00	1.50	8.50	Tốt
40	Nguyễn Thanh Phong	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
41	Lưu Hồng Phong	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
42	Hoàng Minh Phương	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
43	Nông Thị Phượng	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
44	Nguyễn Thanh Sơn	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
45	Bùi Thị Tâm	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
46	Long Văn Thắng	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
47	Hoàng Thị Phương Thảo	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
48	Nguyễn Thị Thu Thảo	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
49	Vương Quang Thiệp	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
50	Phùng Quang Thịnh	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
51	Nông Thị Thơ	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
52	Nông Thị Thơi	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
53	Nhan Thị Thương	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
54	Nguyễn Văn Tiến	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
55	Hoàng Văn Trung	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
56	Lục Quốc Trường	4.00	4.00	1.00	9.00	Tốt
57	Nguyễn Thị Ngọc Tú	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
58	Nguyễn Anh Tú	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
59	Trần Trương Tuấn	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt
60	Đàm Thị Thùy Vân	4.00	3.00	1.00	8.00	Tốt

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Thị Thư**



**Đoàn Thị Vân Thúy**




**Trịnh Thị Ánh Hoa**